

Bản án số: 146/2022/DS-PT

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
thừa kế quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 06/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2022/QĐPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trà Văn N, sinh năm 1946 – Có mặt;

Địa chỉ: Số B 1/12, ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

1.2. Ông Trà Văn R, sinh năm 1946 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 1551 LakeLand Cir, Lake city GA30260-3822 USA.

ĐKTT: 1027 Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của ông Trà Văn R: Bà Trà Thuận L¹, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 897B Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019) – Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trà Thuận L, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 1319, Khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông Trà Thuận L: Chị Trà Thanh T, sinh năm 1978; Trú cùng địa chỉ ông Trà Thuận L (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2014) – Có mặt;

2.2. Bà Nguyễn Thị N¹, sinh năm 1960 (là vợ ông Trà Thuận L - chết ngày 02/6/2011);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N¹:

2.2.1. Ông Trà Thuận L, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

2.2.2. Chị Trà Thanh T, sinh năm 1978 – Có mặt;

2.2.3. Chị Trà Thanh T¹, sinh năm 1982 – Vắng mặt;

2.2.4. Chị Trà Thanh T², sinh năm 1984 – Có mặt;

2.2.5. Anh Trà Khắc H¹, sinh năm 1985 – Vắng mặt;

Đều trú cùng địa chỉ: Số 3/2, ấp Ninh Phước, Khu phố Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2.2.6. Anh Trà Vân H, sinh năm 1980 – Có mặt;

Trú số 41/46, ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trà Thị G, sinh năm 1940 – Vắng mặt;

Trú 65/6, ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị G: Bà Nguyễn Thị Ánh H², sinh năm 1966; Địa chỉ ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 15/7/2019) – Vắng mặt.

3.2. Bà Trà Thị R¹, sinh năm 1944 (Câm điếc bẩm sinh – chết ngày 01/6/2020 – không có chồng, con);

3.3. Bà Trà Thị R², sinh năm 1949 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 7/4, Khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trà Thị R²: Anh Phan Minh T³, sinh năm 1978; Trú ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2018) – Có mặt.

3.4. Bà Trà Thuận L¹, sinh năm 1960 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 897B Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3.5. Bà Trà Thị L², sinh năm 1965 – Có mặt;

Trú số 1148, ấp Ninh An, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3.6. Anh Trà Vân H, sinh năm 1980 – Có mặt;

Trú số 41/46, ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh Trà Vân H: Ông Trần Văn H³, sinh năm 1963; Địa chỉ ấp Phước Lợi 1, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2022) – Có mặt.

3.7. Chị Trà Thanh T, sinh năm 1978 – Có mặt;

3.8. Chị Trà Thanh T¹, sinh năm 1982 – Vắng mặt;

Đều trú số 1319, Khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3.9. Anh Trà Khắc H¹, sinh năm 1985 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 1319, Khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Số 3/2, ấp Ninh Phước, Khu phố Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3.10. Chị Trà Thanh T², sinh năm 1984 – Có mặt;

Địa chỉ số 265 Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.11. Chị Trần Thị Kim L³, sinh năm 1985 – Vắng mặt;

Trú số 41/46, ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Kim L³: Ông Trần Văn H³, sinh năm 1963; Địa chỉ ấp Phước Lợi 1, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2022) – Có mặt.

4. Người kháng cáo, kháng nghị:

4.1. Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh;

4.2. Nguyên đơn ông Trà Văn N, ông Trà Văn R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Trà Thị G, Trà Thị R¹, Trà Thị R², bà Trà Thuận L¹, Trà Thị L²;

4.3. Bị đơn ông Trà Thuận L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Trà Thanh T, Trà Thanh T¹, Trà Thanh T², Trà Khắc H¹, Trà Văn H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trà Văn N trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Trà Văn S và cụ Phạm Thị S¹ có 09 người con gồm: Trà Văn N, Trà Thuận L (nam), Trà Thuận L¹ (nữ), Trà Thị G, Trà Thị R¹, Trà Văn R, Trà Thị R², Trà Thị L² và Trà Văn T⁴ (chết lúc còn nhỏ).

Cụ Phạm Thị S¹ chết năm 1968 không có di chúc.

Sau khi cụ S¹ chết thì cụ S chia đất cho các con và các con đã nhận đất sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Bà G 12.175 m² cấp Giấy năm 1994; bà R¹ chưa được chia; ông R 7.350 m² cấp Giấy năm 1992 ông R đã làm thủ tục cho lại ông L và ông L đang sử dụng; bà R² 11.380 m² cấp Giấy năm 1994; ông N diện tích 10.260 m² cấp Giấy năm 1992 và 25.980 m² cấp Giấy năm 1993; ông L diện tích 8.155 m² cấp Giấy năm 1993 và 36.155 m² cấp Giấy năm 1992; bà L¹ (nữ) 10.805 m² cấp Giấy năm 1994; bà L² 11.235 m² cấp Giấy năm 1994. Diện tích 2,3 ha ở Châu Thành ông R kê khai trong Sổ đăng ký đất năm 1989. Năm 1994, ông R làm giấy khước từ nhận di sản của cụ S nên cụ S để lại cho Trà Văn H là con ông L đứng tên từ ngày 19/8/1997, diện tích 23.635 m². Các diện tích đất trên không tranh chấp, chỉ tranh chấp đất ông R.

Ngoài đất trên, cụ S còn để lại các tài sản cụ S đã đứng tên và chưa đứng tên gồm: Nhà đất diện tích 160 m² xã (nay là Phường) Ninh Thạnh cấp Giấy cho cụ S ngày 29/3/1996, đo thực tế 297,4 m², Nhà nước làm đường 186,8 m² bồi thường 447.875.000 đồng, còn lại diện tích 92,6 m²; Đất ở Hòa Thành 1.830 m², trên đất có mộ thuộc các thửa 21, 22, 28, 29 tờ bản đồ số 13 chưa được cấp Giấy, nay thuộc thửa

98, 99 tờ bản đồ số 13 diện tích 2.045 m² (đo thực tế 2.735 m²); Đất ở Châu Thành 45.370 m² do cụ S đứng tên ngày 07/02/1997, cụ S cho bà G lấy bán cho người khác hơn 12.000 m², khấu trừ diện tích bà G bán và đo sai số còn lại diện tích 30.855 m²; Đất bà G đứng tên giao lại cho cụ S diện tích 12.175 m². Diện tích các thửa 1914 là 2.113,2 m², thửa 1915 là 2.240 m², thửa 1887 là 3.398,6 m² chưa được cấp Giấy nên ông N yêu cầu chia thừa kế các tài sản:

Nhà và đất còn lại ở Ninh Thạnh 92,6 m²; tiền bồi thường đất ở Ninh Thạnh 447.885.000 đồng; Đất ở Hòa Thành 2.735 m² (thực đo); Đất ở Châu Thành 30.855 m²; Đất bà G giao lại 12.175 m² và các thửa đất số 1914, 1915 và 1887 ở Châu Thành.

Về 03 di chúc:

Di chúc ngày 08/3/2002 do ông L xuất trình có nội dung cụ S đã chia đất cho các con, phần còn lại gồm nhà và đất thổ cư (160 m²) tại xã Ninh Thạnh và đất 45.370 m² ở Châu Thành do cụ S đứng tên Giấy đất. Cụ S giao lại cho ông L toàn quyền sử dụng và có trách nhiệm thờ cúng;

Di chúc ngày 21/5/2002 thể hiện cụ S đã chia đất cho 8 người con, mỗi người được hưởng diện tích cụ thể. Trong đó ông R được hưởng căn nhà 4 m x 7 m tại xã Ninh Thạnh, diện tích 7.358 m² ở Long Thành Bắc, Hòa Thành và 2,3 ha đất ruộng ở Châu Thành do Trà Văn H đang canh tác và đứng tên đất. Ngoài ra cụ S còn 04 ha đất ruộng tại Bình Lương, Đồng Khởi, Châu Thành do cụ S đứng tên Giấy, sau khi cụ S mất giao cho ông L canh tác thờ cúng cha mẹ;

Di chúc không ngày tháng năm 2002 thể hiện cụ S đã chia tài sản cho các con, còn bà Trà Thị R¹ chưa chia, bà R¹ bị câm điếc bẩm sinh, nay trích trong diện tích 45.370 m² đất ở Châu Thành cho bà R¹ 02 miếng có tứ cận cụ thể (không rõ diện tích).

Ba di chúc trên cụ S và người nhận tài sản ký tên và Ủy ban nhân dân xã (nay là Phường) Ninh Thạnh xác nhận. Ông N không thừa nhận cả ba di chúc này và yêu cầu chia di sản của cụ S thành 08 phần bằng nhau theo pháp luật.

Nguyên đơn ông Trà Văn R trình bày:

Ông yêu cầu ông L và anh H phải trả lại tài sản của cụ S chia theo di chúc ngày 21/5/2002 gồm: Nhà đất ở phường Ninh Thạnh diện tích 4 m x 7 m, diện tích 7.350 m² ở Hòa Thành ông R được cấp Giấy ngày 28/4/1992; Diện tích 2,3 ha ở Châu Thành ông đã kê khai trong Sổ đăng ký đất năm 1989, nhưng do ông đi Mỹ theo diện HO nên Nhà nước buộc không còn bất động sản tại Việt Nam. Năm 1994, ông làm thủ tục cho ông L giữ dùm 7.350 m², có làm Tờ khước từ nhận thừa kế di sản của cụ S là hình thức để được đi Mỹ, sau này quay về ông L trả đất, cụ S vẫn chia đất. Nay yêu cầu được nhận tài sản theo di chúc ngày 21/5/2002 của cụ S.

Về 03 di chúc ông R không thừa nhận di chúc do ông L xuất trình. Ông R yêu cầu chia thừa kế như ông N trình bày và yêu cầu.

Bị đơn ông Trà Thuận L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị N¹ trình bày:

Cụ S đã phân chia tài sản hết cho các con, đối với phần tài sản còn lại thì ngày 08/3/2002 cụ S đã lập di chúc để lại cho Trà Thuận L là con trai sống chung cho đến khi cụ S mất. Di chúc nói rõ nhà đất 160 m² ở Ninh Thạnh, diện tích 04 ha ruộng (45.370 m²) ở Châu Thành do cụ S đứng tên để cho ông L hưởng có trách nhiệm

cúng giỗ ông bà cha mẹ, ông L đã thực hiện. Cho đến nay, diện tích 2.735 m² ở Hòa Thành cụ S đã cho ông L từ trước, ông L nhận cất nhà ở. Năm 2000, ông L đăng ký trong Sổ đăng ký đất nên không còn là di sản. Diện tích các thửa 1914, 1915 và 1887 là nằm trong diện tích 45.380 m² đã cấp Giấy cho cụ S. Cụ S có di chúc cho ông L nên tài sản của cụ S không còn. Ông L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu chia thừa kế như yêu cầu của ông N.

Đối với yêu cầu của ông R thì do ông R đi Mỹ nên ngày 10/8/1994, ông R làm thủ tục cho ông L đất được Ủy ban nhân dân xã, phòng Kinh tế huyện và công chứng xác nhận, nên đất này đã là của ông L. Ngày 21/5/1994, ông R làm đơn khước từ nhận di sản của cụ S để lại là phần đất 2,3 ha ở Châu Thành nên cụ S đã cho Trà Văn H và H đã kê khai, được cấp Giấy ngày 19/8/1997 sử dụng đất đến nay, nên cũng không còn là đất của ông R nữa.

Về 02 di chúc lập ngày 21/5/2002 và di chúc năm 2002 có Ủy ban nhân dân xã ký xác nhận ngày 22/5/2002 là không công nhận vì cụ S đã lập di chúc ngày 08/3/2002 để nhà đất ở Ninh Thạnh 04 ha đất ruộng ở Châu Thành cho ông L thờ cúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trà Văn H trình bày: Thống nhất theo trình bày của ông L, chị T là không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông N, không đồng ý trả tài sản theo yêu cầu của ông R. Diện tích 2,3 ha theo di chúc ngày 21/5/2002 do ông R khước từ nhận di sản nên cụ S đã cho anh kê khai đăng ký và đã được cấp Giấy. Các thửa 1914, 1915 và 1887 nằm trong diện tích 45.370 m² do cụ S đứng tên Giấy; Thửa 1914 và 1915 cụ S đã cất nhà ở và cho anh, có di chúc cho ông L toàn bộ 45.370 m² để ông L thờ cúng, không phải đất chưa cấp Giấy. Do nhà cụ S để lại đã hư hỏng nên tháng 4 năm 2018 vợ chồng anh đã cất nhà cấp 4 trên đất trị giá 350.000.000 đồng nên anh không đồng ý yêu cầu của bà R¹.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kim L³ trình bày: Chị là vợ của anh H, thống nhất theo trình bày của anh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trà Thị R¹ do người đại diện hợp pháp (khi bà R¹ còn sống) trình bày: Bà R¹ đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông N và có yêu cầu độc lập xin được nhận 02 thửa đất số 1914 và 1915 do bà R¹ đã kê khai trong Sổ đăng ký đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trà Thị G, Trà Thị R², Trà Thuận L¹ (nữ), Trà Thị L² trình bày:

Thống nhất lời trình bày của ông N về quan hệ gia đình và phần tài sản của cụ S¹ và cụ S đã chia cho các con đã nhận và không có tranh chấp. Không thừa nhận 03 di chúc và yêu cầu được chia di sản của cụ S thành 08 phần bằng nhau cho các con gồm: 92,6 m² đất ở Ninh Thạnh, tiền bồi thường 447.875.000 đồng, 2.735 m² đất có mồ mã ở Hòa Thành, 30.855 m² ruộng ở Châu Thành, 12.175 m² do bà G giao lại cụ S, các thửa 1914, 1915 và 1887 ở Châu Thành. Đồng ý chia cho bà R¹ thửa 1914, 1915. Yêu cầu ông L, anh H trả nhà đất theo yêu cầu khởi kiện của ông R, ông R ở Mỹ gửi tiền về cất nhà ở Ninh Thạnh hiện ông L đang ở.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2010/DSST ngày 29/9/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định không chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của ông N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu như ông N xin chia di sản của cụ S. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 32/2011/DSPT ngày 18/02/2011 của Tòa Phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 28/2014/DS-GĐT ngày 13/6/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy cả hai bản án (sơ thẩm và phúc thẩm), giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Sau khi ông N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ S thì ông Trà Văn R cũng khởi kiện yêu cầu ông Trà Thuận L và anh Trà Văn H trả nhà đất cho ông R theo Di chúc ngày 21/5/2002 của cụ S. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2013/DSST ngày 27/3/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 3231/2013/DSPT ngày 15/10/2013 của Tòa Phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 24/2016/DS-GĐT ngày 08/11/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy cả hai bản án (sơ thẩm và phúc thẩm), giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại Quyết định số 02/2017/QĐ-DSST ngày 08/8/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh nhập hai vụ án (Một vụ do ông N là nguyên đơn và một vụ do ông R là nguyên đơn) thành một vụ án để giải quyết.

Các bên đương sự thống nhất lấy kết quả đo đạc, định giá đã thực hiện trước đây để làm cơ sở giải quyết, không yêu cầu định giá lại. Hiện các diện tích còn tranh chấp gồm:

- Đất tọa lạc tại Ninh Thạnh:
 - + Diện tích 92,6 m²;
 - + Nhà cấp 4, diện tích 54 m²;
 - + Tiền Nhà nước bồi thường 186,8 m² là 447.875.000 đồng;
- Đất tọa lạc tại Hòa Thành:
 - + Diện tích 2.723,4 m²;
 - + Diện tích 7.350 m² (đo thực tế 6.375 m²);
- Đất tọa lạc tại Châu Thành:
 - + Diện tích 2,3 ha anh H được cấp Giấy năm 1997 diện tích 23.635 m²;
 - + Diện tích tranh chấp 45.370 m² còn lại 30.855 m²;
 - + Thửa 1914, diện tích 2.113, 2 m²;
 - + Thửa 1915, diện tích 2.240 m²;
 - + Thửa 1887, diện tích 3.398,6 m².

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 06/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 652 và Điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995; các điều 256, 258, 634, 646, 658, 667, 733 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 35 Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990; các điều 26, 37, 38, 48, 263, 264, 265, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn N đối với ông Trà Thuận L, anh Trà Văn H, chị Trà Thanh T, chị Trà Thanh T¹, chị Trà Thanh T², anh Trà Khắc H¹ về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

1.1. Ông Trà Thuận L được quyền sử dụng phần đất diện tích 92,6 m² thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 12 ấp Ninh Phước, xã Ninh Thạnh, thị xã Tây Ninh (nay là khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh).

Trên đất có căn nhà cấp 4C, móng gạch, tường gạch, nền gạch hoa, mái tole, trần tole. Hiện do ông L đang quản lý, sử dụng.

Buộc ông Trà Thuận L có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Trà Văn N, ông Trà Văn R, bà Trà Thị G, bà Trà Thị R¹, bà Trà Thị R², bà Trà Thuận L¹ (nữ), bà Trà Thị L² mỗi người 72.119.272 đồng.

1.2. Anh Trà Văn H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 23.635 m² thửa 1900, 1901, 1903, 1904, 1908, 1910, 1911, 1912, tờ bản đồ số 23 ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, Châu Thành, Tây Ninh. Anh Trà Văn H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03613/QSDĐ/450504 ngày 19/8/1997. Hiện anh H đang quản lý, sử dụng.

Buộc anh Trà Văn H có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Trà Văn N, ông Trà Văn R, ông Trà Thuận L, bà Trà Thị G, bà Trà Thị R¹, bà Trà Thị R², bà Trà Thuận L¹ (nữ), bà Trà Thị L² mỗi người 57.887.907 đồng.

1.3. Ông Trà Thuận L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 30.855 m² thửa số 1916, 1917, 1918, 1919, 1921, 1913, 1886, 1789, 1651, 1650, 1949 (trong đó có 400 m² đất thổ cư, 1.015 m² đất vườn, 29.440 m² đất lúa), tờ bản đồ số 3 ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, Tây Ninh. Đất do cụ Trà Văn S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03658/QSDĐ/450504 ngày 07/01/1997. Hiện ông L đang quản lý, sử dụng.

Buộc ông Trà Thuận L có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Trà Văn N, ông Trà Văn R, bà Trà Thị G, bà Trà Thị R¹, bà Trà Thị R², bà Trà Thuận L¹ (nữ), bà Trà Thị L² mỗi người 67.299.500 đồng.

Ông Trà Thuận L được quyền đi kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.4. Ông Trà Thuận L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 2.275,6 m² thuộc thửa 1790, 1791, 1792 tờ bản đồ số 3 ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, Tây Ninh. Đất do bà Trà Thị G đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01621/QSDĐ/Đ3 ngày 27/6/1994. Hiện ông L đang quản lý, sử dụng.

Buộc ông Trà Thuận L có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Trà Văn N, ông Trà Văn R, bà Trà Thị G, bà Trà Thị R¹, bà Trà Thị R², bà Trà Thuận L¹ (nữ), bà Trà Thị L² mỗi người 2.275.600 đồng.

Ông Trà Thuận L được quyền đi kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu “chia di sản thừa kế” của ông Trà Văn N, ông Trà Văn R đối với ông Trà Thuận L, anh Trà Văn H, chị Trà Thanh T, chị Trà Thanh T¹, chị Trà Thanh T², anh Trà Khắc H¹ về các tài sản:

- Phần đất diện tích 1.630,7 m² thuộc thửa 1915 tờ bản đồ số 3 ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, Tây Ninh.

- Phần đất diện tích 3.398,6 m² thuộc thửa 1887 tờ bản đồ số 3 ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, Tây Ninh.

- Phần đất diện tích 2.723,4 m² thuộc các thửa 30, 40, 42, nay thuộc thửa 98, 99 tờ bản đồ số 6 ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, Tây Ninh.

Ông Trà Thuận L và các con của ông L được tiếp tục quản lý và sử dụng các phần đất trên.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người đại diện theo pháp luật của bà Trà Thị R¹ là anh Phan Minh T³ đối với anh Trà Vân H về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Buộc anh Trà Vân H, chị Trần Thị Kim L³ trả cho bà Trà Thị R¹ diện tích 2.113,2 m² thuộc thửa số 1914 tờ bản đồ số 3 ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, Tây Ninh (Có sơ đồ đất kèm theo – BL 673).

Trên đất có căn nhà cấp 4, tường gạch xây, mái lợp tole, trần tole lạnh, mái che trị giá 350.000.000 đồng.

Buộc bà Trà Thị R¹ có trách nhiệm thanh toán cho anh Trà Vân H, chị Trần Thị Kim L³ 350.000.000 đồng trị giá căn nhà và mái che.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn R đối với ông Trà Thuận L, anh Trà Vân H, chị Trà Thanh T, chị Trà Thanh T¹, chị Trà Thanh T², anh Trà Khắc H¹ về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” đối với phần đất diện tích 6.375,5 m² thuộc thửa số 56, 58, 60, 72, 73 tờ bản đồ số 2 xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Có sơ đồ đất kèm theo).

5. Bà Trà Thị R¹ được sử dụng phần đất có diện tích 7.875 m² thuộc thửa 1936, 1937 tờ bản đồ số 3 ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, Tây Ninh. Đất do bà Trà Thị G đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01621/QSDĐ/Đ3 ngày 27/6/1994.

Buộc ông Trà Thuận L, các con Trà Thanh T, Trà Vân H, Trà Khắc H¹, Trà Thanh T¹, Trà Thanh T² có trách nhiệm giao lại diện tích 7.875 m². (Có sơ đồ kèm theo – BL 682).

Bà Trà Thị R¹ được quyền đi kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/12/2018 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm.

Ngày 18/12/2018, các ông, bà: Trà Văn N, Trà Văn R, Trà Thị G, Trà Thị R¹, Trà Thị R², Trà Thuận L¹ (nữ), Trà Thị L² ký chung một đơn kháng cáo yêu cầu hủy một phần Bản án sơ thẩm và định giá lại tài sản tranh chấp. Đến ngày 08/7/2019, các ông, bà: Trà Văn N, Trà Văn R, Trà Thị G, Trà Thị R¹, Trà Thị R², Trà Thuận L¹ (nữ), Trà Thị L² ký chung một đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Ngày 18/12/2018, ông Trà Thuận L và các anh, chị: Trà Thanh T, Trà Thanh T¹, Trà Thanh T², Trà Khắc H¹, Trà Vân H ký chung đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án

cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Trà Văn N, bà Trà Thuận L¹, bà Trà Thị L² và anh Phan Minh T³ (đại diện cho bà Trà Thị R²) vẫn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét cho giám định chữ ký của bà Trà Thị R¹ trên văn bản do ông Trà Thuận L xuất trình; cho định giá lại toàn bộ tài sản đang tranh chấp; yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, không đồng ý nhận bằng giá trị; Yêu cầu chia thừa kế diện tích 2.723,4 m² ở ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành cho 08 kỷ phần; Yêu cầu cho anh Phan Minh T³ được hưởng toàn bộ kỷ phần thừa kế của bà Trà Thị R¹, vì anh T³ là người có công nuôi dưỡng, chăm sóc bà R¹.

Anh Phan Minh T³ yêu cầu được hưởng tài sản của bà R¹ vì anh là người nuôi dưỡng, chăm sóc bà R¹, có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân.

Chị Trà Thanh T, chị Trà Thanh T² và anh Trà Văn H giữ nguyên kháng cáo đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối lập với ông Trà Thuận L. Cụ Trà Văn S đã cho ông Trà Thuận L diện tích 2.723,4 m² ở ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành nên không đồng ý chia;

Ông Trần Văn H³ đại diện hợp pháp của anh Trà Văn H đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không đồng ý buộc anh H phải trả tiền cho các thừa kế, vì cụ S đã cho anh H và anh H đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 23.635 m² ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, Châu Thành, Tây Ninh. Cụ S cũng đã cho anh H diện tích 2.113,2 m² thuộc thửa số 1914 tờ bản đồ số 3 ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, Tây Ninh nên không đồng ý trả. Bà Trà Thị R¹ có hộ khẩu và chung sống chung nhà với anh H nên không đồng ý giao phần tài sản của bà R¹ cho ông T³ hưởng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị hợp lệ. Về nội dung đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các đương sự và Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại điểm d khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 140 Bộ luật dân sự quy định đại diện chấm dứt khi người được đại diện chết. Bà Trà Thị R¹ đã chết nên đã chấm dứt việc đại diện của anh Phan Minh T³ đối với bà Trà Thị R¹.

[2] Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Thị Ánh H², chị Trà Thanh T¹ và anh Trà Khắc H¹ vắng mặt tại phiên tòa

không rõ lý do, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt họ.

[3] Vợ chồng cụ Trà Văn S, cụ Phạm Thị S có 09 người con chung gồm: Trà Văn N, Trà Văn R, Trà Thuận L (nam), Trà Thuận L¹ (nữ), Trà Thị G, Trà Thị R², Trà Thị L², Trà Văn T⁴ (chết lúc nhỏ) và Trà Thị R¹ (chết ngày 01/6/2020, bị điếc bẩm sinh, không có chồng con).

[4] Cụ Phạm Thị S¹ chết ngày 16/10/1968 không có di chúc; Cụ Trà Văn S chết ngày 10/10/2005. Các đương sự cung cấp 03 bản di chúc của cụ Trà Văn S gồm:

+ Bị đơn ông Trà Thuận L cung cấp Tờ Di chúc lập ngày 08/3/2002, được Ủy ban nhân dân xã Ninh Thạnh chứng thực cùng ngày 08/3/2002, có nội dung cụ S để lại cho ông Trà Thuận L (nam) phần đất diện tích 160 m² (có nhà ở) tại xã Ninh Thạnh, thị xã Tây Ninh, do cụ S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02386QSDĐ/D4 ngày 29/3/1996 và diện tích 45.370 m² đất ruộng tại xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành do cụ S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03658 QSDĐ/450504 ngày 07/01/1997, vì ông L đang sống chung, nuôi dưỡng cụ S và ông L có nghĩa vụ thờ cúng ông bà cha mẹ.

+ Nguyên đơn ông Trà Văn R đưa cho ông Trà Văn N cung cấp 02 bản Di chúc:

- Tờ Di chúc không ghi ngày tháng năm 2002, được Ủy ban nhân dân xã Ninh Thạnh chứng thực ngày 22/5/2002, có nội dung cụ S trích ra trong diện tích đất 45.370 m² tại xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành do cụ S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03658 QSDĐ/450504 ngày 07/01/1997 cho bà Trà Thị R¹ được hưởng 02 miếng ruộng có tứ cận: Đông giáp Trà Văn N, Tây giáp Ba Nhứt, Nam giáp Năm Mính, Bắc giáp đường lộ xe bò.

- Tờ Di chúc lập ngày 21/5/2002, được Ủy ban nhân dân xã Ninh Thạnh chứng thực ngày 22/5/2002, có nội dung cụ S chia cho mỗi đứa con như sau:

. Trà Thị G được hưởng 1,20 ha đất ruộng tại ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (đã bán);

. Trà Thị R¹ được hưởng 0,9 ha đất ruộng tại ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (02 miếng ruộng) có tứ cận: Đông giáp Trà Văn N, Tây giáp Ba nhứt, Nam giáp Năm Mính, Bắc giáp đường lộ xe bò;

. Trà Văn R được hưởng 01 căn nhà tường (4 m x 7 m) tại số 3/2 ấp Ninh Phước, xã Ninh Thạnh, thị xã Tây Ninh, đất ruộng 0,75 ha tại ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, Hòa Thành, Tây Ninh và đất ruộng 02,3 ha tại ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (hiện do cháu Trà Văn H canh tác và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

. Trà Thị R² được hưởng đất ruộng 1,10 ha tại ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh và đất thổ cư 0,05 ha tại ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, Hòa Thành, Tây Ninh;

. Trà Văn N được hưởng đất ruộng 2,5 ha tại ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh và đất ruộng 0,8 ha tại ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;

. Trà Thuận L (nam) được hưởng nhà ở (10 m x 6m) số 3/2 ấp Ninh Phước, xã Ninh Thạnh, thị xã Tây Ninh; đất ruộng 0,75 ha tại ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh và đất ruộng 2,5 ha tại ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

. Trà Thuận L¹ (nữ) được hưởng đất ruộng 01 ha tại ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

. Trà Thị L² được hưởng đất ruộng 1,10 ha tại ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

Ngoài ra, còn lại 04 ha đất ruộng tại ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh do cụ S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi cụ qua đời giao toàn bộ diện tích này cho ông Trà Thuận L canh tác cúng giỗ ông, bà, cha, mẹ.

[5] Kết quả giám định chữ ký mang tên cụ Trà Văn S trong 03 Tờ di chúc nêu trên như sau:

Kết luận giám định số 32/GT.2015 ngày 12/5/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh (bút lục 734) kết luận không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trà Văn S trên tài liệu cần giám định;

Kết luận giám định số 331/C54-P5 ngày 10/12/2015 của Viện Khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát (bút lục 743) kết luận không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trà Văn S trên tài liệu cần giám định;

Kết luận giám định số 164/C54-P5 ngày 30/6/2016 của Viện Khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát (bút lục 782) kết luận:

- Chữ ký đứng tên Trà Văn S dưới mục “người lập di chúc” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (*Tờ di chúc ngày 08/3/2002*), A2 (*Tờ di chúc ngày 08/3/2002*), A4 (*Tờ di chúc năm 2002*) so với chữ ký của ông Trà Văn S trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký ra;

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Trà Văn S dưới mục “người lập tờ di chúc” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 (*Tờ di chúc ngày 21/5/2002*) so với chữ ký của ông Trà Văn S trên các tài liệu mẫu có phải do cùng một người ký ra hay không;

Với kết quả giám định như trên, chỉ có thể xác định chữ ký trên Tờ di chúc ngày 08/3/2002 và Tờ di chúc không đề ngày tháng năm 2002 là của cụ Trà Văn S ký ra. Không đủ cơ sở để xác định chữ ký trên Tờ di chúc ngày 21/5/2002 là của cụ Trà Văn S ký ra. Tờ di chúc ngày 21/5/2002 có nội dung chia toàn bộ tài sản của cụ S với cụ S¹, kể cả các phần đất mà cụ S đã chia cho các con vào năm 1976 và 1988 và các con đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ trước đó rất lâu là không phù hợp với thực tế. Bản án sơ thẩm nhận định không có sự mâu thuẫn giữa các di chúc và cả 3 di chúc đều được Ủy ban nhân dân xã chứng thực, từ đó xác định cả 3 tờ di

chức, trong đó có Tờ di chúc ngày 21/5/2002 là của cụ Trà Văn S và hợp pháp là chưa đủ cơ sở.

[6] Ông Trà Văn R căn cứ vào nội dung Tờ Di chúc lập ngày 21/5/2002 để khởi kiện yêu cầu ông Trà Văn L và anh Trà Văn H phải trả nhà, đất ở, tiền Nhà nước bồi thường do thu hồi đất ở và các diện tích đất ruộng (7.350 m^2 và 23.635 m^2). Như đã phân tích tại mục [5], chưa có căn cứ để xác định Tờ Di chúc lập ngày 21/5/2002 là của cụ Trà Văn S; Trước khi xuất cảnh sang định cư ở Mỹ, ông Trà Văn R đã có văn bản khước từ thừa hưởng di sản để ngày 24/5/1994 (bút lục 100), đối với số đất ruộng tuy ông R đứng tên trong Sổ đăng ký ruộng đất ngày 05/12/1989, nhưng ngày 26/5/1994 ông R cũng đã có “*Đơn xin giao đất lại cho cha*” và phần đất này anh Trà Văn H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/8/1997. Vào thời điểm anh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Trà Văn S vẫn còn sống nhưng cụ S và không ai có ý kiến gì.

[7] Sinh thời, cụ Trà Văn S và cụ Phạm Thị S¹ tạo lập được nhiều nhà đất (khoảng $220.354,7\text{ m}^2$ đất) ở 03 huyện thuộc tỉnh Tây Ninh. Cụ thể đất ở ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành khoảng $191.559,9\text{ m}^2$; đất ở ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành khoảng $28.497,4\text{ m}^2$; nhà đất ở ấp Ninh Phước, xã Ninh Thạnh, thị xã Tây Ninh đo thực tế là $297,4\text{ m}^2$ (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 160 m^2).

Sau khi cụ S¹ chết, vào năm 1976 và năm 1988 cụ S đã chia tài sản cho các con mỗi người một phần, chỉ có bà Trà Thị R¹ chưa được chia, còn một phần cụ S đứng tên. Sau khi chia, cụ S và các người con đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Bà G 12.175 m^2 , bà L² 11.235 m^2 , bà L¹ 10.805 m^2 , bà R² 11.380 m^2 , ông N 10.260 ở huyện Hòa Thành và 25.980 m^2 ở huyện Châu Thành, ông L 8.155 m^2 ở huyện Hòa Thành và 36.155 m^2 ở huyện Châu Thành. Ông R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/4/1992 ở huyện huyện Hòa Thành nhưng ông R không nhận và đã chuyển cho ông L.

Theo ông L và anh H thì ông R còn được cụ S chia cho 23.650 m^2 ở ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành nhưng do ông R khước từ nên cụ S đã cho anh H và anh H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/8/1997. Ngày 29/3/1996, cụ S được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 160 m^2 (nhà đất 3/2 ấp Ninh Phước, xã Ninh Thạnh đo thực tế diện tích là $297,4\text{ m}^2$, khi mở rộng đường bị thu hồi $186,8\text{ m}^2$ được đền bù $447.875.000$ đồng, còn lại diện tích $92,6\text{ m}^2$). Ngày 07/01/1997, cụ Sáu được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 45.370 m^2 (gồm các thửa đất số: 1649, 1650, 1651, 1789, 1886, 1913, 1916, 1917, 1918, 1919, 1921, 1648, 1766, 1767, 1768, 1769, 1770, 1771, 1776, 1777, 1778, 1779 tại ấp Bình Lương, xã Đồng Khởi nhưng do bà G xin cụ S cho phép chuyển nhượng 12.650 m^2 đất cho ông Huỳnh Văn T⁵ và Ủy ban nhân dân huyện điều chỉnh giảm 1.835 m^2 của thửa đất số 1779 nên còn lại 30.855 m^2). Các thửa đất số 1914, 1915 do bà R¹ đứng tên và thửa 1887 do ông T⁴ đứng tên trong Sổ đăng ký ruộng đất năm 1989 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ba thửa đất này do ông L quản lý, sử dụng. Còn diện tích 1.830 m^2 (đo thực tế diện tích $2.732,4\text{ m}^2$) của các thửa 21,

22, 28, 29 tờ bản đồ số 13 có nguồn gốc của cổ Trà Văn T⁶ (cha cụ S) để lại, chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay do ông L quản lý, sử dụng.

[8] Kết quả thực hiện việc ủy thác thu thập chứng cứ theo Quyết định ủy thác số 1642/2019/QĐ-UTTA ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì phần đất đo đạc có diện tích 2.723,4 m² theo Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 480/SĐHT-ĐC do Công ty Cổ phần Đo đạc địa chính Tây Ninh lập ngày 20/7/2009 không thuộc “*Các thửa 30, 40, 42, nay thuộc thửa 98, 99 tờ bản đồ số 6 ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, Tây Ninh*” như đã tuyên ở mục 2 của Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 06/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đồng thời, trên thửa đất số 98 và trên thửa đất số 99 thì Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 người khác không liên quan đến vụ án. Việc xác định phần đất diện tích 2.732,4 m² đang tranh chấp chưa chính xác, có sự nhầm lẫn, không đúng về diện tích và đối tượng sử dụng đất nên chưa có cơ sở để giải quyết.

Do trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự yêu cầu sử dụng kết quả đo đạc và định giá trong các vụ án trước đây, mà không có yêu cầu khảo sát, đo đạc lại nên không có căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành khảo sát, đo đạc lại, từ đó đã không phát hiện ra sự nhầm lẫn, không đúng về diện tích và không đúng về đối tượng sử dụng đất như đã nêu trên. Tòa án cấp phúc thẩm đã ủy thác nhưng kết quả thực hiện ủy thác thu thập chứng cứ cũng không thể khắc phục được vì có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của 03 người khác không liên quan đến vụ án nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, nên không thể xác định được đầy đủ toàn bộ di sản của cụ Trà Văn S.

[9] Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trà Thị R¹ chết đã làm phát sinh tranh chấp di sản (nếu có) của bà Trà Thị R¹ giữa các bên đương sự trong vụ án, kể cả anh Phan Minh T³ (*là người đại diện cho bà R¹ khi bà R¹ còn sống*) cũng có yêu cầu được thừa hưởng di sản của bà Trà Thị R¹. Những vấn đề này chưa phát sinh trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nên không có căn cứ để xét xử phúc thẩm, mà cần phải được xác minh, thu thập chứng cứ để xét xử sơ thẩm trong cùng vụ án này thì mới đảm bảo đúng quy định của pháp luật và mới đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10] Do việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và sau khi xét xử sơ thẩm có phát sinh thêm tình tiết mới chưa được giải quyết sơ thẩm như đã nêu trên, nên chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh và chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[11] Các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh và chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DSST ngày 06/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3.1. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho các ông, bà: Trà Thị R¹, Trà Thị G, Trà Thị R¹, Trà Thuận L¹, Trà Thị L² 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), đã nộp theo Biên lai thu số 0000 và 03 số không rõ, ngày 27/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (bút lục số 1075).

3.2. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho các ông, bà: Trà Văn N, Trà Văn R, Trà Thuận L¹, Trà Thị L², Trà Thị G, Trà Thị R¹ mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*)/người, đã nộp theo các biên lai thu số 0000785, 000786 cùng ngày 26/12/2018; các biên lai thu số 000878, 000879, 000880, 000881 cùng ngày 27/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3.3. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Trà Thuận L và các anh, chị: Trà Thanh T, Trà Thanh T¹, Trà Khắc H¹, Trà Thanh T², Trà Vân H 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), đã nộp theo Biên lai thu số 0000779, ngày 18/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3.4. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho các anh, chị: Trà Thanh T², Trà Vân H, Trà Khắc H¹, Trà Thanh T¹, Trà Thanh T mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*)/người, đã nộp theo Biên lai thu số 0000872, 0000873, 0000874, 00000875, 0000876 cùng ngày 26/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
(Kèm hồ sơ vụ án)
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

